

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Sóc Trăng
đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

I- THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

Qua hơn 15 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU, ngày 08-9-1998 của Tỉnh uỷ về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh có chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tăng trưởng khá; khu, cụm công nghiệp được hình thành, đáp ứng được nhu cầu đầu tư sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; số lượng doanh nghiệp tăng trưởng qua từng năm; hình thành một số doanh nghiệp lớn, đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; thị trường xuất khẩu được mở rộng. Cơ sở đào tạo nghề, dạy nghề cấp tỉnh, cấp huyện được thành lập, chất lượng đào tạo từng bước được nâng lên; nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp tăng về số lượng và chất lượng, cơ bản đáp ứng yêu cầu cung cấp nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh kết quả đạt được, công nghiệp của tỉnh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; tỷ trọng khu vực II trong cơ cấu kinh tế, giá trị sản xuất công nghiệp và kim ngạch xuất khẩu đạt thấp; phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ và vừa, năng lực cạnh tranh còn yếu; hàng hoá xuất khẩu chưa đa dạng; các khu, cụm công nghiệp phát triển chậm. Hiệu quả công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư, hoạt động khuyến công còn hạn chế, đặc biệt là thu hút đầu tư nước ngoài (FDI).

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do một vài nơi cấp uỷ, chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến phát triển công nghiệp; nguồn lực đầu tư vào công nghiệp còn hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động trong ngành công nghiệp còn thấp; trình độ quản trị doanh nghiệp yếu; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật phục vụ phát triển công nghiệp thiếu đồng bộ; công tác quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1- Quan điểm

- Phát triển công nghiệp với tốc độ nhanh, bền vững, hiệu quả; tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế; tăng khối lượng và giá trị hàng hoá xuất khẩu; là con đường tất yếu để tỉnh phát triển toàn diện về kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng, an ninh, thúc đẩy phúc lợi xã hội.

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, thế mạnh của tỉnh; có khả năng tạo nguồn thu lớn cho ngân sách, giải quyết việc làm và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ. Từng bước giảm dần công nghiệp sơ chế, tăng dần các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, chế biến sâu, giá trị gia tăng cao.

- Huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế để phát triển công nghiệp; khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, đầu tư nước ngoài; phát triển bền vững khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Chú trọng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng bền vững.

- Phát triển công nghiệp phải gắn liền với yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên trên địa bàn tỉnh; kiên quyết không thu hút đầu tư các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2- Mục tiêu

2.1- Mục tiêu chung

- Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp - xây dựng của tỉnh đến năm 2020 chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu GRDP của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá với trình độ và chất lượng phát triển cao.

- Phát triển công nghiệp theo hướng tạo điều kiện thu hút đầu tư các ngành kinh tế có lợi thế phát triển ổn định và bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh, như: chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu, sản xuất hàng tiêu dùng, may mặc, da giày, điện gió, điện sinh khối, điện mặt trời,... hướng tới ngành công nghiệp hiện đại, ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, tạo ra sản phẩm có hàm lượng khoa học - công nghệ cao.

- Phát triển nhanh, hiệu quả các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt, gắn liền với xây dựng các công trình xử lý chất thải, trồng cây xanh, bảo đảm môi trường xanh, sạch, đẹp; phát triển đồng bộ các dịch vụ, bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho người lao động, nhất là nhà ở cho công nhân.

2.2- Mục tiêu cụ thể

- Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế chiếm từ 13,97% năm 2016 tăng lên 20,57% vào năm 2020 và 29,64% vào năm 2025.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010) đến năm 2020 đạt 43.000 tỷ đồng và năm 2025 đạt trên 90.000 tỷ đồng.

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13,88%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 16%/năm.

- Phân đầu đến năm 2020, cơ bản hoàn thành hạ tầng thiết yếu khu công nghiệp Trần Đề; khu công nghiệp Đại Ngãi (huyện Long Phú); khu công nghiệp Sông Hậu - Sóc Trăng (huyện Kế Sách); cụm công nghiệp thành phố Sóc Trăng; cụm công nghiệp Ngã Năm; cụm công nghiệp Thạnh Phú (huyện Mỹ Xuyên); cụm công nghiệp Ấp Nhì (huyện Long Phú); cụm công nghiệp Vĩnh Châu (thị xã Vĩnh Châu); cụm công nghiệp Xây Đá B (huyện Châu Thành).

Đến năm 2025, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các khu công nghiệp còn lại theo quy hoạch; mỗi huyện, thị xã, thành phố (đối với những nơi chưa có khu công nghiệp) có ít nhất 1 cụm công nghiệp được đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành; trong các doanh nghiệp và người dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện lồng ghép nội dung phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch của cấp ủy, chính quyền các cấp. Định kỳ thanh tra, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, cấp ủy các cấp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

2- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp, như: quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp; Quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035,... và các quy hoạch khác có liên quan đến phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính có liên quan đến doanh nghiệp; thường xuyên quan tâm, theo dõi tình hình hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, kịp thời tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của các doanh nghiệp.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất công nghiệp mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động, tiếp cận thị trường đất đai, tài nguyên một cách minh bạch, bình đẳng theo cơ chế thị trường. Thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật khi thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án công nghiệp; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người dân có đất bị thu hồi để phát triển công nghiệp.

3- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 11-7-2012 của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020; xây dựng phương án sáp nhập các trường cao đẳng, trung cấp, các cơ sở đào tạo, dạy nghề trên địa bàn tỉnh có chức năng đào tạo đa ngành, bảo đảm đồng bộ về quy mô, cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo, phù hợp với quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan. Chú trọng công tác bố trí, sắp xếp, đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên dạy nghề; quan tâm đúng mức việc đầu tư trang thiết bị tại các cơ sở dạy nghề, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dạy nghề.

Từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động hợp lý, nhất là lao động nông thôn. Thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo, dạy nghề gắn với thị trường lao động và có sự tham gia của doanh nghiệp; đẩy mạnh hướng nghiệp phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, nhằm định hướng cho học sinh sau trung học cơ sở chuyển sang học nghề; tạo điều kiện, hỗ trợ cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp, cao đẳng nghề.

Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào việc đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu về lao động của đơn vị. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động chưa có việc làm, tạo việc làm mới cho người lao động mất việc làm trong quá trình thu hồi đất. Có kế hoạch hỗ trợ đào tạo đội ngũ quản lý và các chủ doanh nghiệp về kiến thức quản lý kinh tế, về sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, hội nhập, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động trong cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút nhân lực trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành Công thương đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, lựa chọn dự án, cấp phép các công trình đầu tư ngành Công nghiệp.

4- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút kêu gọi đầu tư; huy động, đa dạng hoá các nguồn vốn và hình thức đầu tư

Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp, như: chính sách thu hút đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; phát triển công nghiệp nông thôn; khuyến khích phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa,... nhằm thu hút các dự án tỉnh có lợi thế về nguồn nguyên liệu, tài nguyên, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu, sản xuất hàng tiêu dùng, may mặc, da giày, điện gió, điện sinh khối, điện mặt trời,... góp phần giải quyết việc làm cho lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; khai thác tốt các nguồn lực để đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn; quan tâm phát triển công nghiệp vùng nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Chương trình của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03-6-2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; các giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận vốn vay để đầu tư. Phát triển sản xuất, kinh doanh đối với các ngành công nghiệp phù hợp đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tăng cường huy động, đa dạng hoá các nguồn vốn và hình thức đầu tư; đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, PPP, FDI, nguồn vốn ODA, các nguồn vốn khác đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm, hạ tầng khu, cụm công nghiệp. Chú trọng huy động các nguồn vốn trong nước, thông qua các hình thức thu hút đầu tư trực tiếp, hợp tác, liên kết, liên doanh của các tập đoàn, tổng công ty lớn triển khai đầu tư các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu áp dụng có hiệu quả các quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh, nhằm huy động các nguồn lực để đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, như: giao thông, điện, nước, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, xử lý nước thải, nhà ở cho công nhân,... tạo điều kiện đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư thứ cấp vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

5- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 15-3-2017 của Tỉnh ủy về bảo vệ môi trường tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 đối với lĩnh vực công nghiệp. Các dự án đầu tư, các nhà máy trước khi xây dựng phải thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường; xây dựng kế hoạch, kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm ra xa các khu dân cư.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp liên kết với nhà nông về sản xuất và bao tiêu sản phẩm; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn, khuyến khích các nhà khoa học, đội ngũ trí thức trẻ có các đề tài, dự án, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, thủy sản,...; trong đó, có tính đến yếu tố hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu.

Triển khai đồng bộ, kịp thời các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước, như: chính sách khuyến công; phát triển hợp tác xã công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; các làng nghề truyền thống,... nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp nhận, chuyển giao khoa học, công nghệ và hỗ trợ ưu đãi về vốn, tham gia chuỗi tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá. Xây dựng mô hình điểm về làng nghề tiểu thủ công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu tại chỗ. Xây dựng sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, có thương hiệu,

nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá trong và ngoài tỉnh, hướng tới xuất khẩu.

Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công; tăng cường quản lý diện tích đất công trên địa bàn đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để triển khai dự án; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên trên địa bàn tỉnh. Định kỳ thanh tra, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án đúng mục tiêu, tiến độ; kiên quyết thu hồi các dự án triển khai chậm tiến độ.

Triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng “Sản xuất sạch hơn” trong công nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

6- Xây dựng, phát triển hệ thống thương mại

Rà soát, sửa đổi bổ sung và triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; đẩy mạnh kêu gọi đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng thương mại của tỉnh; các trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn các huyện, thị xã; xây dựng mạng lưới thương mại hướng đến vùng nông thôn; xây dựng phương án phát triển ngành, định hướng phát triển các sản phẩm đặc thù có tiềm năng, lợi thế của tỉnh để tham gia chuỗi thương mại liên vùng, hướng tới chuỗi thương mại xuyên quốc gia.

Triển khai các cơ chế, chính sách ưu đãi xuất khẩu của Nhà nước phù hợp với tình hình của tỉnh; tập trung rà soát, bổ sung, xây dựng mới các cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu của tỉnh; kịp thời khuyến khích, hỗ trợ, tôn vinh, khen thưởng các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu có doanh số, kim ngạch xuất khẩu cao. Triển khai các chương trình hợp tác, liên doanh liên kết của tỉnh Sóc Trăng với các địa phương khác trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước để đầu tư phát triển vùng nguyên liệu tập trung, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm đối với các mặt hàng chủ lực của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại; quan tâm giới thiệu, quảng bá sản phẩm, hàng hoá đặc trưng của tỉnh. Khuyến khích và tạo

điều kiện cho doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường.

Đẩy mạnh hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với các cơ sở sản xuất và sản phẩm hàng hoá ngành công nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ khen thưởng các doanh nghiệp, hộ kinh doanh mở rộng và phát triển kênh phân phối tại khu vực nông thôn; tích cực vận động, khuyến khích doanh nghiệp và người dân tham gia thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, đưa hàng hoá về vùng nông thôn.

7- Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp

Tập trung thu hút, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành công nghiệp năng lượng để trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh sau năm 2020; tạo động lực phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; đẩy mạnh khai thác, phát triển điện gió, điện mặt trời gắn với phát triển du lịch và phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất tại khu vực tiềm năng phát triển điện gió, nhằm bảo đảm hài hòa với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ, phát triển rừng và các quy hoạch chuyên ngành khác.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, tập trung ưu tiên cho các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh, phát triển các ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động, nhằm giải quyết lao động nông thôn, hạn chế lao động di cư. Tập trung đẩy mạnh kêu gọi thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn với áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

Giai đoạn sau năm 2020, tập trung phát triển mạnh các ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ tham gia vào chuỗi sản xuất hàng hoá, các dự án công nghiệp sản xuất sản phẩm có hàm lượng khoa học công - nghệ cao.

Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, khôi phục các nghề, làng nghề gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Duy trì và phát triển làng nghề truyền thống, du nhập nghề và tạo điều kiện phát triển các ngành nghề mới ở nông thôn; phát triển ngành nghề theo thế mạnh về lao động, tài nguyên trên từng địa bàn gắn với phát triển du lịch cộng đồng nhằm giải quyết việc làm tại chỗ.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch và lãnh đạo triển khai thực hiện Nghị quyết.

2- Ban Cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các sở, ngành, uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cụ thể hoá Nghị quyết thành các chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện của đơn vị; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ; tham mưu Tỉnh uỷ tổ chức sơ kết thực hiện Nghị quyết vào năm 2021, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết vào năm 2026.

3- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc học tập, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng (HN&T78);
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ;
- Các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cơ quan Trung ương đóng tại địa phương;
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Văn Thế